TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Đà Lạt, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Số: 136/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Một bên là: Bà Võ Th. Th. D**,** sinh năm: 1997;

Trú tại: Số 11A đường X, phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Và một bên là: Ông Sái Ng. N**,** sinh năm: 1997.

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Th. Th. D và Ông Sái Ng. N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/8/2022. Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo bà D và ông N trình bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do quan niệm và cách nhìn nhận khác nhau trong cuộc sống giữa vợ chồng khác biệt nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều, dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn, hòa giải nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ ngày 08/8/2024. Hiện cả bà D và ông N đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Võ Th. Th. D và Ông Sái Ng. N

[2] Về con chung: Bà D và ông N xác định, vợ chồng không có con chung

[3] Về tài sản chung bà nợ chung: Bà D và ông N xác định xác định, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[4] Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà D và ông N thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Th. Th. D và Ông Sái Ng. N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng bà D và ông N không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà D và ông N xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D và ông N cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Võ Th. Th. D và Ông Sái Ng. N thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001978 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt; bà D và ông N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực

tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự